TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HOÁ
Bản án số: 10 /2018/DS-ST
Ngày 23 tháng 04 năm 2018
V/v: "Kiện đòi lại tài sản"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Yến
2. Ông Hà Văn Bình

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hà Xuân Hoàn - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa : Ông Hà Văn Quyển – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 04 năm 2018, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2017/TLST- DS ngày 04/12/2017 về việc: "Kiện đòi lại tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/QĐXX-ST ngày 30/03/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Xuân Th ; Sinh năm 1973 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn TD, xã LT, Huyện BT, tỉnh THóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T; Sinh năm 1973(có mặt).

Vợ là chị Bùi Thị T Sinh năm 1973(có mặt)

Đều cư trú: Thôn TS, xã LT, Huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án anh Lê Xuân T trình bày:

Anh T có đầu tư trồng mía và phân bón cho gia đình anh Nguyễn Minh T gồm các khoản đầu tư như phân bón, ngọn mía, cày gốc, làm đất toàn bộ chu trình từ làm đất trồng mía đến khi thu hoạch và cả gạo ăn trong quá trình làm mía. Tổng số tiền đầu tư hai bên chốt nợ vào ngày 01/11/2013 anh T chị T nợ anh T là 879.644.000đ (Tám trăm bảy mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Đến ngày 23/5/2014 thì anh T trả cho anh T gồm tiền mặt và 01 xe mía hai khoản

cộng là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng). Anh T có viết giấy nhận tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng cho anh T). Ngoài ra anh T không trả cho anh Th lần nào nữa, mặc dù anh Th đã hỏi nợ nhiều lần. Nay anh Th khởi kiện yêu cầu anh T trả số tiền còn lại là 749.644.000đ (Bảy trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Tài liệu kèm theo đơn khởi kiện anh Th giao nộp là 01 "Bản cam kết trả nợ", có nội dung anh T và chị T còn nợ anh Th 879.644.000đ (Tám trăm bảy mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Bản gốc viết tay cả hai vợ chồng anh T và chị T cùng ký xác nhận nợ.

Anh T và chị T công nhận đều được ký vào giấy cam kết trả nợ ngày 01/11/2013 lúc đó số tiền nợ anh Thư là 879.644.000đ (Tám trăm bảy mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Chị T thì cho rằng đã đưa cho anh T 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng đi trả anh Th và anh Th đang giữ 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) tiền hội của chị Thắm khi đến lượt không được lấy do anh Thư giữ lại để sau này trừ vào lãi của số tiền gia đình chị T còn nợ anh Th.

Tại bản tự khai ngày 21 tháng 12 năm 2017 Anh Bùi Minh T trình bày thời điểm làm giấy cam kết với anh Th anh T có nợ số tiền như giấy cam kết sau đó anh T nhớ trả cho anh Th tổng là 150.000.000đ (Nhưng anh T nói đánh mất giấy biên nhận việc trả cho anh Th 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Hiện nay do anh T làm ăn thua lỗ nên chưa trả được cho anh Th anh xin khất trả dần sẽ cố gắng trả dần nhưng anh T không có kế hoạch trả cụ thể mà khất trả dần khi nào có điều kiện.

Tại phiên tòa anh Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện vợ chồng anh T chị T số tiền 749.644.000đ (Bảy trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) và công nhận đang quản lý số tiền hội là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) của chị T anh T.

Tại phiên tòa anh T công nhận anh có trả cho anh Th một lần là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) vào ngày 23/5/2014. Nay anh Th khởi kiện số tiền 749.644.000đ (Bảy trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) anh T công nhận và đề nghị trừ đi số tiền 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) tiền chơi hội anh Th đang quản lý của anh T và chị T. Số tiền còn lại 725.644.000đ anh T công nhận sẽ có trách nhiệm trả dần vì kinh tế gia đình anh T khó khăn không thể trả một lúc được.

Tại phiên tòa chị T trình bày việc lấy phân bón và nhận các khoản đầu tư từ anh Th cũng như thanh toán với anh Th là do anh T trực tiếp làm việc với anh Th. Sau khi anh Th và anh T chốt số tiền nợ với nhau thì thông báo cho chị T và chị T ký xác nhận vào "Bản cam kết trả nợ ngày 01/11/2013". Chị T đưa tiền cho anh T đi trả cho anh T, chị không đi cùng anh T. Nay anh T chỉ trả cho anh Th 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) thì chị T phải chịu. Chị T đề nghị số tiền hội 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) anh Th đang quản lý của chị T và anh T trừ vào số tiền nợ 749.644.000đ còn lại 725.644.000đ (Bảy trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) chị xin được trả dần vì kinh tế nhà chị khó khăn chưa thể trả một lần cho anh Th được.

-Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ lấy lời khai bị đơn và xác minh việc bị đơn vắng mặt không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Nên Viện kiểm sát tham gia xét xử theo quy định tại Điều 21 BLTTDS.

Tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm : Về tố tụng Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thụ lý ban hành các văn bản tố tụng đúng đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng. Đây là vụ án tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán từ hợp đồng dân sự. Các đương sự đã hình thành giao dịch dân sự về việc đầu tư làm mía. Thuộc loại vụ việc quy định tại Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định trình tự tố tụng của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án.

[2.1] Quan hệ pháp luật: - Các đương sự đã thống nhất chốt số tiền nợ với nhau đến ngày 01/11/2013, anh T và chị T còn nợ tiền anh Th là 879.644.000đ. Các đương sự không thắc mắc gì về quá trình thực hiện hợp đồng. Sau khi chốt nợ anh T trả cho anh T 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) vào ngày 23/5/2014. Số tiền còn lại 749.644.000đ (Bảy trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bốn

nghìn đồng) chưa thanh toán cho anh Th. Nay anh Th khởi kiện yêu cầu anh T và chị T thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Đây là quan hệ kiện đòi lại tài sản (Thực hiện nghĩa vụ trả tiền).

[2.2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn khởi kiện số tiền 749.644.000đ có chứng cứ gốc và bị đơn công nhận sẽ có trách nhiệm trả số nợ 749.644.000đ (Bảy trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) cho nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 BLTTDS đây là chứng cứ không phải chứng minh.

Xét yêu cầu phản tố của bị đơn về số tiền nguyên đơn đang giữ 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) tiền chơi hội của bị đơn được nguyên đơn công nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 92 BLTTDS đây là chứng cứ không phải chứng minh.

Như vậy căn cứ Điều 352 Bộ luật dân sự. Buộc đồng bị đơn phải liên đới có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền còn nợ 749.644.000đ (Bảy trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) sau khi đối trừ đi khoản tiền hội 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) nguyên đơn đang quản lý của bị đơn, số tiền đồng bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 725.644.000đ (Bảy trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) .

Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 BLTTDS, khoản 2 Điều 26, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, đồng bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền phải trả cho nguyên đơn 725.644.000đ là (20.000.000đ + 325.644.000đ x 4%) = 20.000.000đ + 13.025.000đ = 33.025.000đ (Ba mươi ba triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 352, 357, 468 Bộ luật dân sự.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Buộc đồng bị đơn anh Nguyễn Minh T và chị Bùi Thị T có trách nhiệm hiện nghĩa vụ trả cho anh Lê Xuân T số tiền là;

749.644.000đ - 24.000.000đ = 725.644.000đ(Bảy trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 BLTTDS; Khoản 2 Điều 26, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Minh T và chị Bùi Thị T liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền phải trả nợ 725.644.000đ là (20.000.000đ + 325.644.000đ x 4%) = 20.000.000đ + 13.025.000đ =33.025.000đ (Ba mươi ba triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho anh Lê Xuân Th là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0004836 ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

4. Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

5. Bản án này được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự.Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dấn sự.

Án sơ thẩm có mặt các đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát;
…..
- Lưu hồ sơ vụ án.

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quyên